

**U BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

S : 39/2008/Q -UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thị Đức M, ngày 15 tháng 8 năm 2008

**QUY ĐỊNH**

**Ban hành mức thu lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Định**

**U BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Hộ tịch và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và Gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài; Nghị định số 69/2006/NĐ-CP ngày 21/7/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP; Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

Căn cứ Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác nhân viên chức thi các quy định của pháp luật về phí, lệ phí, chính sách huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thu các thẩm quyền quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2008/NQ-HĐND ngày 22/7/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về mức thu lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Xét nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 341/TTr-STP ngày 05/8/2008,

**QUY ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành mức thu lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Định như sau:

1. Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã:

Stt	Công việc thi hành	Mức thu cho mỗi trường hợp
1	Đăng ký nhân nuôi con nuôi (gồm đăng ký lần đầu và đăng ký lại)	20.000 đồng
2	Đăng ký nhân cha, mẹ, con	10.000 đồng

3	C p b n sao gi y t h t ch t s h t ch	2.000 ng/1 b n
4	Xác nh n các gi y t h t ch	3.000 ng
5	Các vi c ng ký h t ch khác	5.000 ng

2. M c thu áp d ng i v i vi c ng ký h t ch t i U ban nhân dân c p huy n:

Stt	Công vi c th c hi n	M c thu cho m i tr ng h p
1	C p l i b n chính Gi y khai sinh	10.000 ng
2	C p b n sao gi y t h t ch t s h t ch	2.000 ng/1 b n
3	Thay i, c i chính h t ch cho ng i t 14 tu i tr lên; xác nh l i dân t c; xác nh l i gi i tính	25.000 ng

3. M c thu áp d ng i v i vi c ng ký h t ch t i S T pháp:

Stt	Công vi c th c hi n	M c thu cho m i tr ng h p
1	ng ký k t hôn có y u t n c ngoài (bao g m ng ký l n u, ng lý l i)	1.000.000 ng
2	ng ký nuôi con nuôi có y u t n c ngoài (bao g m c ng ký l n u và ng ký l i)	2.000.000 ng
3	ng ký nh n cha m con có y u t n c ngoài	1.000.000 ng
4	C p l i b n chính Gi y khai sinh	50.000 ng
5	C p b n sao các gi y t h t ch t s g c	5.000 ng/1 b n
6	Xác nh n các gi y t h t ch	10.000 ng
7	Các vi c ng ký h t ch khác	50.000 ng

## **i u 2.**

1. i t ng n p l phí theo m c thu quy nh t i i u 1 Quy t nh này là nh ng ng i c c quan nhà n c có th m quy n gi i quy t các công vi c v h t ch theo quy nh c a pháp lu t.

2. Mi n thu toàn b l phí ng ký h t ch theo quy nh t i i m b, kho n 6 i u 1 Ngh nh s 24/2006/N -CP ngày 06/3/2006 c a Chính ph và Ch th s 24/2007/CT-TTg ngày 01/11/2007 Th t ng Chính ph i v i các tr ng h p sau:

a) ng ký khai sinh, bao g m: ng ký khai sinh úng h n; ng ký khai sinh quá h n; ng ký l i vi c sinh;

b) ng ký k t hôn, bao g m: ng ký k t hôn; ng ký l i vi c k t hôn tr vi c ng ký k t hôn có y u t n c ngoài t i S T pháp;

c) ng ký khai t , bao g m: ng ký khai t úng h n; ng ký khai t quá h n; ng ký l i vi c khai t ;

d) người ký ví dụ thay thế, cấp chính hỗ trợ cho người đi 14 tuổi, bổ sung, điều chỉnh hỗ trợ;

e) người ký nuôi con nuôi cho người dân thuộc các dân tộc vùng sâu, vùng xa cần thiết.

### **điểm 3.**

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện người ký hỗ trợ, người thi thực hiện thực thu lệ phí hỗ trợ, bao gồm: Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Tài chính tỉnh Bình Định.

2. Nội dung ví dụ người ký hỗ trợ thực thu lệ phí của Ủy ban nhân dân tỉnh, giao Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí, trả hồ sơ và thực hiện ví dụ miễn lệ phí hỗ trợ theo quy định.

**điểm 4.** Ủy ban nhân dân cấp xã cấp 90% lệ phí thu; Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp 70% lệ phí thu; Sở Tài chính cấp 40% lệ phí thu chi cho công tác tiếp nhận người ký hỗ trợ, thực hiện quy định thu theo khoản 5, điều 1 Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ; số còn lại phân bổ vào ngân sách Nhà nước. Số lệ phí cấp lại, nộp phạt ngừng vào nguồn thu tài chính của tỉnh theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiêu, chịu trách nhiệm và số biên chế và kinh phí quản lý hành chính nội vụ các cơ quan quản lý nhà nước.

**điểm 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài chính, Trưởng Cơ quan Thuế, Trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phòng, thị trấn; các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

**điểm 6.** Quy định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHÍNH TỈNH**

**Ủy ký: Nguyễn Hoàng Sơn**